

Bản án số: 367/2020/HC-PT

Ngày: 14/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 65/TL-HCPT ngày 16 tháng 01 năm 2020 về Khiếu kiện hành vi hành chính do có kháng cáo của người bị kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7075/2020/QĐXX-PT ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Doãn S, sinh năm 1973

Nơi ĐKNKTT: Thôn 5, xã C1, TP C, tỉnh Q.

Địa chỉ: số 225, tổ 4, khu N, phường C2, thành phố C, tỉnh Q; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Huy H. Địa chỉ: tổ 32, khu 3, phường H2, thành phố H1, tỉnh Q; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông S: Ông Đặng Quốc A, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV A1, Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn K - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố C (Theo Quyết định ủy quyền số 237/QĐ-UBND ngày 17/01/2019); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện:

- Ông Nguyễn Mạnh C3: Phó phòng TN&MT thành phố C, có mặt

- Bà Nguyễn Thị H3: Trưởng phòng tư pháp thành phố C; có mặt.

- Ông Bùi Đình D: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C; có mặt.

- Ông Nguyễn Phú C3: Viên chức Đội kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường, có mặt

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ủy ban nhân dân xã C4, thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C4, thành phố C, theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2020; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4.2. Công ty TNHH Điện lực A2

Địa chỉ: khu 8, phường M, thành phố C, tỉnh Q

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Khang N1 và ông Bùi Việt H4 - Công ty TNHH Điện lực A2 (Theo giấy ủy quyền ngày 24/5/2019), có mặt.

4.3. Bà Khổng Thị L

Nơi ĐKNKTT: Thôn 5, xã C1, thành phố C, tỉnh Q.

Địa chỉ: số 225, tổ 4, khu N, phường C2, thành phố C, tỉnh Q, có mặt.

4.4. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn H5 là bà Trần Thị C5, địa chỉ: Tổ 3, Khu H6, phường C6, thành phố C, tỉnh Q và ông Hoàng Anh D1, địa chỉ: Tổ 5, Khu H7, phường C6, thành phố C, tỉnh Q, vắng mặt.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án bãi thải xỉ số 2, Nhà máy nhiệt điện M2.

- Ngày 04/5/2012 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Q ban hành Quyết định số 992/2012/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bãi thải xỉ số 2 nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C1, Cộng Hoà, thành phố C, tỉnh Q.

- Ngày 25/7/2012 Ủy ban nhân dân thành phố (UBND TP) C ban hành Văn bản số 1145/UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, TP C, tỉnh Q.

- Ngày 30/7/2012 UBND TP C ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND 30/7/2012 về việc thu hồi 1.874.422,3 m² đất của 75 hộ gia đình, cá nhân tại Thôn 1, xã C1; Thôn H8, xã C4 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, thành phố C, tỉnh Q (*Quyết định thu hồi ban hành chung cho tất cả các hộ bị ảnh hưởng*);

- Do Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 thu hồi đất ban hành chung cho tất cả các hộ bị ảnh hưởng; Ngày 6/8/2012 UBND thành phố C ban hành 75 Quyết định thu hồi thay thế cho Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND thành phố C. Trong đó có:

+ Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 6/8/2012 của UBND thành phố C về việc thu hồi 20.780,4 m² đất của hộ gia đình ông Ngô Doãn S tại Thôn H8, xã C4, để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, thành phố C, tỉnh Q;

- Ngày 06/2/2013 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 446/QĐ-UBND về việc thu hồi 45.628,7 m² đất của hộ gia đình ông Ngô Doãn S tại Thôn H8, xã C4, để GPMB thực hiện dự án: Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M 2 tại xã C4, C1, thành phố C, tỉnh Q; (*Quyết định thu hồi đất này gộp diện tích thu hồi của các quyết định Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 6/8/2012; Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 6/8/2012; Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 6/8/2012 của các hộ ông Ngô Doãn S; ông Đông Quang T1; ông Đông Quang H9*)

- Ngày 17/4/2013, trên cơ sở ý kiến đề nghị của ông Ngô Doãn S, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân xã C4, chủ đầu tư dự án có buổi làm việc với đại diện hộ gia đình ông Ngô Doãn S, Hoàng Văn H5. Tại buổi làm việc các bên đã thống nhất gộp các thửa đất (*thửa số 52, 53, 72 tờ bản đồ GPMB số 02*) vào hộ ông Hoàng Văn H5 đứng tên và ký phương án nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*Có biên bản làm việc có chữ ký của các thành phần tham gia buổi làm việc*)

- Ngày 30/6/2014 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1883/QĐ-UBND về việc thu hồi 45.628,7 m² đất nông nghiệp của hộ ông Hoàng Văn H5 tại Thôn H8, xã C4 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, TP C, tỉnh Q.

Người khởi kiện, Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 10/02/2002, ông Ngô Doãn S nhận chuyển nhượng 12ha đất nuôi trồng thủy sản từ ông Hoàng Văn H5 (trú tại: Tổ 42, phường C6, TP C, tỉnh Q). Việc chuyển nhượng đã được UBND xã C4 và Ban Địa chính xã C4 xác nhận và cắm mốc phân giới. Năm 2012, ông S được UBND xã C4 thông báo một phần đất, đầm ao thuộc 12ha nằm trong diện phải thu hồi để phục vụ thi công Bãi thải xỉ số 2 của Nhà máy nhiệt điện M của chủ đầu tư là Công ty TNHH Điện lực A2 và có cử cán bộ xuống làm việc với ông S để thực hiện công tác thu hồi đất. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, UBND thành phố C đã vi phạm các quy định pháp luật liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng.

Vào hồi 13h30 ngày 12/02/2014, đoàn cưỡng chế của UBND thành phố C cho xe cẩu đến đập phá nhà cửa, san gạt tài sản, san lấp mặt bằng làm thay đổi hiện trạng trên đất của ông S trong khi ông không có nhà khác, và đoàn cưỡng chế cũng không có bất kỳ thông báo, quyết định cưỡng chế hay văn bản nào về việc thực hiện cưỡng chế.

Sau đó qua tìm hiểu, ông Ngô Doãn S được biết UBND thành phố C có ban hành Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 01/04/2014: “*về việc hủy bỏ 27.549,90m² đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp đối với 02 hộ gia đình Ông Đống Quang T1, Ngô Doãn S tại Thôn H8, xã C4 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Bãi thải xỉ số 2 nhà máy Nhiệt điện M 2 tại xã C4, C1, Thành phố C, tỉnh Q.*”

Ngày 04/07/2014, ông Ngô Doãn S có khởi kiện UBND thành phố C ra Tòa án nhân dân thành phố C về hành vi cưỡng chế tháo dỡ công trình trên đất và cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật. Ngày 27/05/2015, ông tiếp tục khởi kiện UBND thành phố C đối với các Quyết định thu hồi đất và Quyết định hủy bỏ đất nông nghiệp.

Trong quá trình giải quyết 02 vụ án hành chính trên, ông Ngô Doãn S và UBND thành phố C đã thực hiện rất nhiều các buổi đối thoại và hòa giải.

Ngày 25/11/2017, các bên cùng thống nhất nội dung giải quyết 02 vụ án hành chính trên bằng biên bản làm việc tại UBND thành phố C. Trong đó, UBND thành phố C thống nhất lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Ngô Doãn S tổng số tiền: 1.490.265.700 đồng (*Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm đồng*) và thống nhất thời hạn chi trả tiền xong trước tết âm lịch 2017 hoặc chậm nhất trong quý I, năm 2018. Đồng thời, UBND TP C yêu cầu ông S phải rút đơn khởi kiện trong 02 vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố C.

Sau đó, ông S đã rất nhiều lần đến UBND thành phố C, gửi đơn đề nghị, yêu cầu UBND thành phố C thực hiện việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền theo đúng nội dung biên bản làm việc nhưng UBND thành phố C không thực hiện, liên tục hẹn thời gian giải quyết khác nhau.

Đến tháng 05/2018, ông S nhận được thông báo số: 211/TB-UBND của UBND TP C tháng 05/2018 (thông báo không điền ngày) về việc xử lý kiến nghị của công

dân, trong đó, UBND thành phố C đã giao cho các cơ quan chuyên môn xem xét giải quyết kiến nghị của ông S. Tháng 06/2018, ông S nhận được Công văn số: 3848/UBND-QLĐĐ1 của UBND tỉnh Q ngày 05/06/2018 gửi UBND thành phố C, trong đó, UBND tỉnh Q chỉ đạo UBND thành phố C tham mưu và thực hiện việc thu hồi, bồi thường GPMB đối với hộ ông Ngô Doãn S.

Nay đã qua thời hạn cam kết, UBND TP C chưa lập phương án và thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông S. Hành vi này của UBND thành phố C đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của ông, đẩy ông vào hoàn cảnh vô cùng khó khăn.

Vì vậy ông Ngô Doãn S khởi kiện yêu cầu:

- Xác định hành vi không lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ gia đình ông Ngô Doãn S của Ủy ban nhân dân thành phố C là trái quy định pháp luật theo Biên bản làm việc ngày 25/11/2017.

- Ủy ban nhân dân thành phố C phải lập phương án và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB cho ông Ngô Doãn S với số tiền: 1.490.265.700 đồng theo Biên bản làm việc ngày 25/11/2017 tại UBND TP C.

**Tại văn bản ý kiến số 399/UBND-TNMT ngày 29/01/2019 và bản tự khai ngày 30/01/2019 cũng như các tài liệu có trong hồ sơ, người bị kiện UBND thành phố C không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện đưa ra, với lý do:*

1. Ông Ngô Doãn S, không thuộc đối tượng được bồi thường, hỗ trợ. Cụ thể: Quá trình giải quyết khiếu nại của ông S ngày 22/8/2012, Ủy ban nhân dân thành phố C đã thành lập Đoàn thanh tra để thanh tra về công tác quản lý đất đai, xây dựng nhà, công trình nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh Q phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Bãi thải xỉ số 2 - Nhà máy Nhiệt điện M 2 tại xã C4 thành phố C. Tại kết luận số 292/KL-UBND, ngày 28/12/2012 về việc “Kết luận xử lý về công tác quản lý đất đai, xây dựng nhà, công trình nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh Q phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Bãi thải xỉ số 2 Nhà máy Nhiệt điện M 2 tại xã C4, TP C”, trong đó có thừa đất bị ảnh hưởng bởi Dự án mà ông Ngô Doãn S có đơn kiến nghị, cụ thể tại Mục 1.1.2 Phần III nêu rõ:

“Ông Hoàng Văn H5 được UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 783080, cấp ngày 09/11/1995 tại khu C7, Thôn H8, xã C4, diện tích 312.000 m² (31,2 ha), mục đích sử dụng: Nuôi trồng thủy sản. Năm 2011, ông H5 chuyển nhượng cho ông Ngô Doãn S một phần diện tích là 12 ha (chỉ có giấy chuyển nhượng viết tay ngày 10/6/2011, có xác nhận của UBND xã C4 ngày 05/7/2011) ”.

+ Theo nội dung đơn của ông Ngô Doãn S: Từ năm 2002, ông nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn H5 diện tích 12,0 ha đất nuôi trồng thủy sản, gia đình ông sử dụng ổn định, không có tranh chấp và được ủy ban nhân dân xã C4 xác nhận.

Tuy nhiên, việc ông H5 chuyển nhượng cho gia đình ông S chưa thực hiện việc đăng ký với cơ quan nhà nước để được tách thửa đất theo quy định đã ghi tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất E783086: *“2. Khi có thay đổi về hình thế, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đến đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ”.*

Đối tượng đăng ký biến động đất đai được quy định tại Luật Đất đai năm 1993 theo Khoản 1, Mục II, chương 3 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC của Tổng cục Địa chính ngày 30/11/2001 về “Hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”:

“1. Đối tượng thực hiện.

Đăng ký biến động đất đai thực hiện đối với người sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất, hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị (sau đây gọi chung là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có một trong những thay đổi về mục đích sử dụng, loại đất sử dụng, diện tích sử dụng, tên sử dụng đất, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Quy định trên cũng được hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 38 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về “Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai”:

“3. Đăng ký biến động về sử dụng đất được thực hiện đối với người sử dụng thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà có thay đổi về việc sử dụng đất trong các trường hợp sau:

Có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất.

Căn cứ những quy định trên, ông Hoàng Văn H5 chưa thực hiện các thủ tục về tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thửa đất mới trong đó có diện tích 12,0 ha để chuyển nhượng cho ông Ngô Doãn S.

Mặt khác, Điều 4 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Q ban hành kèm theo Quyết định số 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/2/2010 của UBND tỉnh Q, qui định:

“Điều 4. Điều kiện để được bồi thường về đất (Thực hiện Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10, 11 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP; Điều 44, Điều 45, Điều 46 Nghị định 84/2007/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP)

Người bị Nhà nước thu hồi đất có một trong các điều kiện sau đây thì được bồi thường:

1. Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây:

a) Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất đai trước ngày 15/10/1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng, cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất;

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993, nay được ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất sử dụng trước ngày 15/10/1993;

đ) Giấy tờ về thanh lý, hóa giá nhà ở, mua nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định của pháp luật;

e) Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy. định tại khoản 1, 2, 3 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến thời điểm có quyết định thu hồi đất chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất

theo quy định của pháp luật, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp.

Tại thời điểm thu hồi đất, ông Ngô Doãn S đang sử dụng đất nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn mang tên ông Hoàng Văn H5 đối với phần diện tích 12,0 ha đất nuôi trồng thủy sản tại khu C7, Thôn H8, xã C4; mặc dù ông S có giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đất, được ủy ban nhân dân xã C4 xác nhận là đất không có tranh chấp; Tuy nhiên theo quy định của pháp luật về đất đai hộ ông Ngô Doãn S không phải đối tượng được bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích 12,0 ha đất nuôi trồng thủy sản nằm trong diện tích 31,2 ha đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất E783086 mang tên ông Hoàng Văn H5.

Mặt khác, từ năm 2002 đến thời điểm thực hiện dự án ông Hoàng Văn H5 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng phát triển Q để đảm bảo vay nợ, lúc này quyền sử dụng đất của ông H5 đang bị cơ quan Ngân hàng kiểm soát thì không thể giao dịch dân sự với người khác do đó việc xác nhận của ủy ban nhân dân xã là vô hiệu. Việc ông H5 và ông S chuyển nhượng (nếu có) chỉ dừng lại ở mức độ dân sự chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo hộ.

Từ những căn cứ trên, việc lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích 12,0 ha nói trên mang tên ông Hoàng Văn H5 là đúng quy định. Ông Hoàng Văn H5 đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ.

2. Đối với nội dung đã thống nhất tại Biên bản đối thoại ngày 25/11/2017 giữa UBND thành phố C, UBND xã C4 và các hộ dân, trong đó có nội dung thống nhất hỗ trợ bổ sung cho ông Hoàng Văn H5, UBND thành phố phê duyệt Quyết định và đơn đốc Công ty A2 chuyển kinh phí để làm thủ tục chi trả, hỗ trợ cho ông Ngô Doãn S trên phương án mang tên ông Hoàng Văn H5.

Việc đối thoại là một quy trình để giải quyết khiếu nại theo Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13. Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại chứ không phải là kết quả giải quyết khiếu nại.

Ủy ban nhân dân thành phố C nhận thấy không đủ cơ sở để ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho ông Ngô Doãn S.

** Ủy ban nhân dân xã C4, thành phố C có quan điểm:* Thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi đất để xây dựng bãi thải xỉ của nhà máy nhiệt điện M2 tại thôn H8, xã C4. Để làm tốt công tác quản lý đất đai và xây dựng tại xã nói chung và thôn H8 nói riêng, nhằm ngăn ngừa không cho hộ dân cũng như các tổ chức, xây dựng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép để đền bù kiếm lời. UBND xã đã thành lập tổ công tác quản lý đất đai, đồng thời kết hợp cùng MTTQ và các đoàn thể xã tuyên truyền cho các hộ dân trong vùng quy hoạch bãi xỉ không được xây dựng trái phép và không chuyển đổi, sử dụng đất trái phép khi đã công bố quy hoạch. Mặc dù đã được tuyên truyền nhưng 1 số hộ dân (27 hộ) trong đó có hộ ông Ngô Doãn S vẫn xây dựng nhà trái phép. Xã đã có các văn bản kiểm tra nhắc nhở. Trong quá trình nhiều lần lập biên bản ông S có mặt nhưng không ký; đồng thời không nhận thông báo và các quyết định. Sau khi ông S không chấp hành việc phá dỡ công trình thì UBND thành phố có văn bản chỉ đạo lực lượng chức năng thành phố và lực lượng của xã cưỡng chế phá dỡ

** Công ty TNHH Điện lực A2 có quan điểm:* Bãi thải xỉ số 2 tại hai xã C4 và C1, TP C, tỉnh Q là một hạng mục trong nhiều hạng mục xây dựng của Dự án MD2. Toàn bộ trình tự, thủ tục liên quan tới việc xin cấp phép, xây dựng bãi thải xỉ số 2 đã được Công ty BOT thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật và được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 922/2012/QĐ-UBND ngày 04/5/2012.

Công tác giải phóng mặt bằng dự án Bãi thải xỉ số 2 được UBND thành phố C và các Phòng, Ban đơn vị liên quan như UBND xã C4, UBND xã C1, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C thực hiện. UBND TP C đã xác nhận việc hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng nói trên trong Công văn số 1907/UBND ngày 21 tháng 10 năm 2013.

Trong quá trình giải phóng mặt bằng, Công ty BOT đã nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo, hướng dẫn, yêu cầu của các cấp chính quyền địa phương trong các văn bản chính thức của UBND thành phố C. Với tư cách chủ đầu tư, Công ty BOT luôn chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo yêu cầu Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố C một cách kịp thời để cơ quan này trực tiếp chi trả cho các hộ dân được bồi thường. Đối với ông Ngô Doãn S, Công ty BOT chưa từng được thông báo ông Ngô Doãn S là đại diện của bất kỳ hộ dân được nhận bồi thường nào trong quá trình giải phóng mặt bằng cho dự án Bãi thải xỉ số 2. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

* Bà Không Thị L nhất trí quan điểm với chồng là ông Ngô Doãn S và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Doãn S.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Q đã căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Doãn S về hành vi không lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (theo biên bản ngày 25/11/2017) cho ông Ngô Doãn S của Ủy ban nhân dân thành phố C là trái quy định pháp luật.

Tuyên bố: Hành vi không lập phương án bồi, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Ngô Doãn S của UBND thành phố C là trái quy định pháp luật. Buộc UBND thành phố C phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Ngô Doãn S theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2019 Ủy ban nhân dân thành phố C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị: hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Q; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Doãn S; tuyên hủy biên bản làm việc ngày 25/11/2017 giữa Ủy ban nhân dân thành phố C, UBND xã C4, đại diện Thôn H8, hộ ông Ngô Doãn S.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; các đương sự không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác và cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố C, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công

khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ông Ngô Doãn S yêu cầu Tòa án xem xét: Hành vi không lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ gia đình ông Ngô Doãn S của Ủy ban nhân dân thành phố C là trái quy định pháp luật theo Biên bản ngày 25/11/2017; Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C lập phương án và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho ông Ngô Doãn S với số tiền: 1.490.265.700đ theo biên bản làm việc ngày 25/11/2017 tại Ủy ban nhân dân thành phố C. Đây là hành vi hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 5, khoản 6, Điều 22 của Luật đất đai 2013 và là Hành vi hành chính bị kiện quy định tại khoản 4, Điều 3; Khoản 4, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định. Tòa án nhân dân tỉnh Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố C, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1]. Thực hiện dự án Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, thành phố C, tỉnh Q, theo Quyết định số 992/2012/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc *phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bãi thải xỉ số 2 nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C1, phường C4, TP C, tỉnh Q*. Ngày 25/7/2012 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Văn bản số 1145/UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M 2 tại xã C4, C1, TP C, tỉnh Q. UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 về việc thu hồi 1.874.422,3m² đất của 75 hộ gia đình, cá nhân tại Thôn 1, xã C1; Thôn H8, xã C4 để GPMB thực hiện dự án: Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, TP C, tỉnh Q. Đến ngày 06/8/2012 UBND thành phố C ban hành 75 Quyết định thu hồi thay thế cho Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố C. Trong đó có Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 6/8/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố C về việc thu hồi 20.780,4 m² đất của hộ gia đình ông Ngô Doãn S.

Trên cơ sở Báo cáo số 292/BC-UBND ngày 28/12/2012 về việc *kết luận xử lý về công tác quản lý đất đai, xây dựng nhà, công trình nằm trong diện tích đất đã được UBND tỉnh Q phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, thành phố C, tỉnh Q* (Trong đó có kết luận liên quan đến việc sử dụng đất, xây dựng công trình của hộ ông Hoàng Văn H5, Ngô Doãn S); Ngày 06/2/2013 Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 446/QĐ-UBND về việc thu hồi 45.628,7m² đất của hộ gia đình ông Ngô Doãn S tại Thôn H8, xã C4 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M2 tại xã C4, C1, thành phố C, tỉnh Q; (Quyết định thu hồi đất này gộp diện tích thu hồi của các Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 6/8/2012; Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 6/8/2012; Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 6/8/2012 của các hộ ông Ngô Doãn S; ông Đồng Quang T1; ông Đồng Quang H9).

Ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân dân thành phố C ban hành Quyết định số 1882/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 01/4/2014. Ngày 30/6/2014 UBND TP C ban hành Quyết định số 1883/QĐ-UBND về việc thu hồi 45.628,7 m² đất nông nghiệp của

hộ ông Hoàng Văn H5 tại Thôn H8, xã C4 để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Bãi thải xỉ số 2, Nhà máy Nhiệt điện M 2 tại xã C4, C1, TP C, tỉnh Q. Ủy ban nhân dân thành phố C đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng mang tên ông Hoàng Văn H5 (trong đó có 12ha ông S nhận chuyển nhượng của ông H5).

[2.2]. Ông Hoàng Văn H5 được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E783080 cấp ngày 09/11/1995 tại khu C7, Thôn H8, xã C4, diện tích 312.000ha, mục đích sử dụng: Nuôi trồng thủy sản. Ngày 10/02/2002 ông Hoàng Văn H5 đã làm Giấy chuyển nhượng ao đầm nuôi trồng hải sản cho ông Ngô Doãn S với diện tích là 12ha (một phần diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H5) có sự chứng kiến của Trưởng thôn và các hộ có đất giáp ranh là Niềm Văn S1, Niềm Văn S2; Ngày 10/6/2011 ông Hoàng Văn H5 làm Giấy chuyển nhượng đất đầm nuôi trồng thủy sản, gửi Ủy ban nhân dân xã C4 với nội dung thể hiện: Ngày 10/02/2002, ông H5 đã chuyển nhượng cho ông S 12ha và ông S đã đưa vào sử dụng. Ngày 05/7/2011, Ủy ban nhân dân xã C4 đã xác nhận vào Giấy chuyển nhượng đất đầm nuôi trồng thủy sản giữa ông H5 và ông S.

Trên thực tế kể từ sau thời điểm chuyển nhượng ngày 10/02/2002, ông S đã trực tiếp quản lý sử dụng, đầu tư để nuôi trồng thủy sản và đến ngày 05/7/2011 Ủy ban nhân dân xã C4 đã ký xác nhận vào Giấy chuyển nhượng đất đầm nuôi trồng thủy sản giữa ông H5 và ông S.

[2.3]. Ủy ban nhân dân thành phố C cho rằng ông Hoàng Văn H5 chuyển nhượng cho ông Ngô Doãn S 12ha đất, nhưng sau khi chuyển nhượng đã không tiến hành tách thửa và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đã chuyển nhượng vi phạm quy định tại Điều 127 Luật đất đai năm 2003 nên quyền sử dụng đất vẫn là của ông Hoàng Văn H5. Đồng thời từ năm 2002 đến thời điểm thực hiện dự án ông H5 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng phát triển Q để đảm bảo cho hợp đồng vay vốn, do quyền sử dụng đất của ông H5 đang bị Ngân hàng kiểm soát thì không thể giao dịch dân sự với người khác. Việc ông H5 và ông S chuyển nhượng (nếu có) chỉ dừng lại ở mức độ dân sự chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo hộ. Căn cứ điều 134 Bộ luật Dân sự hợp đồng dân sự giữa ông Hoàng Văn H5 và ông Ngô Doãn S là vô hiệu. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố C không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Doãn S.

Hội đồng xét xử, thấy: Ủy ban nhân dân thành phố C căn cứ vào quy định tại Điều 127 Luật đất đai năm 2003 và điều 134 Bộ luật Dân sự năm 2005 để xác định giao dịch ngày 10/02/2002 là hợp đồng dân sự vô hiệu. Tuy nhiên tại thời điểm giao dịch 10/02/2002 thì Luật đất đai năm 1993, Bộ luật dân sự 1995 đang có hiệu lực. Sau khi thực hiện giao dịch (ngày 10/02/2002) các bên có liên quan là ông H5, ông S và cả Ngân hàng phát triển Q nơi ông H5 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không bên nào có yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn... theo quy định tại Điều 139 Bộ luật dân sự năm 1995 và đến thời điểm xét xử sơ thẩm không thấy có yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu của các bên có liên quan; Ngày 25/4/2013, ông Hoàng Văn H5 đã trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Chi nhánh Ngân hàng phát triển Q. Do đó không có căn cứ để cho rằng giao dịch ngày 10/02/2002 là vô hiệu.

[2.4]. Tại văn bản số 1239/TNMT-ĐKĐĐ ngày 15/3/2018 của Sở TN&MT tỉnh Q, cũng xác định ông Ngô Doãn S đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Đồng thời tại Công văn số 3848/UBND-QLĐĐ1 ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q đã yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố C căn cứ văn bản số 1239/TNMT-ĐKĐĐ ngày 15/3/2018 của Sở TN&MT tỉnh Q để thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Ngô Doãn S theo đúng quy định hiện

hành. Tuy nhiên UBND thành phố C không thực hiện theo các văn bản nêu trên.

[2.5]. Trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết hai vụ án Hành chính theo yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Doãn S. Tại Biên bản làm việc ngày 25/11/2017 ghi nhận việc đối thoại giữa Ủy ban nhân dân thành phố C và các hộ dân (Ngô Doãn S, Đồng Quang T1, Đồng Quang H9) về phương án bồi thường, hỗ trợ với nội dung hai vụ án ông S khởi kiện tại Tòa án thành phố C, với sự có mặt của Ủy ban nhân dân xã C4, đại diện Thôn H8. Các bên đã đối thoại và thống nhất nội dung giải quyết; Sau đó ông S đã rút đơn khởi kiện 02 vụ án Hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố C và Tòa án nhân dân thành phố C đã ban hành 02 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Hành chính. Tuy nhiên sau đó Ủy ban nhân dân thành phố C không thực hiện và cho rằng tại buổi làm việc không có Công ty A2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại chứ không phải là kết quả giải quyết khiếu nại là không có cơ sở

[2.6]. Quá trình thực hiện việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường, tại bản cam kết ngày 25/4/2013 ông Hoàng Văn H5 gửi Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố C và Ủy ban nhân dân thành phố C xác nhận việc ông đã chuyển nhượng cho ông S 12ha đất nuôi trồng thủy sản, nhưng do ông S chưa hoàn thành thủ tục quyền sử dụng đất trước pháp luật nên ông H5 là người đứng tên nhận số tiền bồi thường cho cả 12ha đất đã chuyển nhượng là 806.445.847đ. Sau đó ông H5 đã chuyển gửi lại số tiền tại Trung tâm phát triển quỹ đất; Tại Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Bãi thải xỉ số 2 nhà máy nhiệt điện M2 tại xã C4, thành phố C của Ủy ban nhân dân thành phố C năm 2017 với tổng số tiền là 1.490.285.700đ (không ghi ngày, tháng) phần chủ hộ là ông Ngô Doãn S ký tên; Đồng thời trong quá trình giải quyết Ủy ban nhân dân thành phố C đã chi trả cho ông S hai lần với tổng số tiền là 892.000.000đồng. Như vậy Ủy ban nhân dân thành phố C cũng đã xác định ông S là người được hưởng số tiền bồi thường khi thu hồi đất.

[3]. Như vậy, kể từ sau ngày 10/02/2002 ông Ngô Doãn S là người quản lý, sử dụng 12ha đất nuôi trồng thủy sản, nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn H5 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C4; Quá trình sử dụng không có tranh chấp; Căn cứ vào khoản 4, điều 4 của Quyết định 499/2010/QĐ-UBND ngày 11/02/2010 của UBND tỉnh Q (*Điều 4. Điều kiện để được bồi thường về đất: Thực hiện Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 9, 10, 11 Điều 8 Nghị định 197/2004/NĐ-CP; Điều 44, Điều 45, Điều 46 Nghị định 84/2007/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến thời điểm có quyết định thu hồi đất chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp*). Ông Ngô Doãn S đủ điều kiện để được bồi thường. Ủy ban nhân dân thành phố C không thực hiện việc bồi thường cho ông Ngô Doãn S làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố C.

Đối với kháng cáo đề nghị tuyên hủy biên bản làm việc ngày 25/11/2017 giữa Ủy ban nhân dân thành phố C, Ủy ban nhân dân xã C4, đại diện Thôn H8, hộ ông Ngô Doãn S không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên không xem xét.

[4]. Ngoài ra, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm ông Ngô Doãn S yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định hành vi không lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cho hộ gia đình ông Ngô Doãn S của Ủy ban nhân dân thành phố C là trái quy định pháp luật theo Biên bản làm việc ngày 25/11/2017.

- Ủy ban nhân dân thành phố C phải lập phương án và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho ông Ngô Doãn S với số tiền: 1.490.265.700 đồng theo Biên bản làm việc ngày 25/11/2017 tại Ủy ban nhân dân thành phố C.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Doãn S. Tuyên bố: Hành vi không lập phương án bồi, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Ngô Doãn S của Ủy ban nhân dân thành phố C là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố C phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông Ngô Doãn S theo quy định của pháp luật là chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm ông S không kháng cáo, nhất trí với bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố C kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố C; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 57/2019/HC-ST ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Q.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, xác nhận Ủy ban nhân dân thành phố C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019/0002067 ngày 23/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Q.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND tỉnh Q;
- Cục THADS tỉnh Q;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà